

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/HNGĐ-ST
Ngày 08/9/2021
Về việc tranh chấp
hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Liệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng và ông Nguyễn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLST-HN ngày 28 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lâm Văn K, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã LĐĐ “A”, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã LĐĐ “A”, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Anh Lâm Văn K và chị Nguyễn Ngọc H cùng thống nhất xác định: Vợ chồng anh chị chung sống vào năm 2002 không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện.

Nguyên nhân ly hôn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng đã xa nhau 6 năm. Nay xét thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai anh chị cùng yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lâm Thị Yến N, sinh ngày 24/9/2005 hiện nay đang sống với chị H, hai anh chị thỏa thuận giao cho chị H nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lâm Văn K và chị Nguyễn Ngọc H không yêu cầu xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 51, 53, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lâm Văn K và chị Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Giao cháu Lâm Thị Yến N, sinh ngày 24/9/2005 cho chị Nguyễn Ngọc H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Lâm Văn K và chị Nguyễn Ngọc H không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Lâm Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện DH. Anh Lâm Văn K và chị Nguyễn Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh K và chị H.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh Lâm Văn K và chị Nguyễn Ngọc H thống nhất với nhau về điều kiện và hoàn cảnh kết hôn, về con, về tài sản và nợ không tranh chấp và không yêu cầu, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử công nhận là sự thật.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Văn K và chị Nguyễn Ngọc H chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lâm Văn K và chị Nguyễn Ngọc H.

Về quan hệ con chung: Qua làm việc với cháu Lâm Thị Yến N có nguyện vọng sống với mẹ, xem xét điều kiện nuôi con của chị H cũng đảm bảo nuôi con đến trưởng thành, anh K cũng đồng ý để chị H nuôi con, vì quyền lợi của con chưa thành niên nên giao cháu Lâm Thị Yến N cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp, chị H không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xem xét giải quyết; anh K có quyền, nghĩa vụ đến thăm con không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lâm Văn K và chị Nguyễn Ngọc H không yêu cầu xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH chị Nguyễn Ngọc H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[1] Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lâm Văn K và chị Nguyễn Ngọc H.

[2] Về con chung: Giao cháu Lâm Thị Yến N, sinh ngày 24/9/2005 cho chị Nguyễn Ngọc H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, con đang sống với chị H, chị H không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xem xét giải quyết; anh Lâm Văn K có quyền, nghĩa vụ đến thăm con không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lâm Văn K và chị Nguyễn Ngọc H không yêu cầu xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Lâm Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, anh K đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001706 ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tắt Liệt

